

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 tháng 03 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học nước ngoài, mã số chuyên ngành: 9229030.03

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ

khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Tổ chức - Cán bộ, Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường khoa Văn học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG


GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HỌC

MÃ SỐ: 9229030.03

CHUYÊN NGÀNH: VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2910/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Văn học nước ngoài

+ Tên tiếng Anh: Foreign Literature

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Văn học

+ Tiếng Anh: Literature

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229030.03

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Văn học

+ Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Literature

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Văn học nước ngoài có mục tiêu chung là đào tạo chuyên gia trình độ cao về văn học nước ngoài, được trang bị những kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về các nền văn học trên thế giới, được cập nhật tư duy khoa học xã hội và nhân văn hiện đại, có năng lực nghiên cứu độc lập, tổ chức, dẫn dắt nghiên cứu trong địa hạt chuyên môn của mình, có khả năng làm việc trong

nhiều lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến văn học nước ngoài nói riêng, văn học nói chung.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Cung cấp kiến thức chuyên sâu về các nền văn học nước ngoài tiêu biểu, giúp người học tiếp cận với những vấn đề khoa học mang tính cập nhật trên thế giới liên quan đến văn học nước ngoài và những phương pháp luận nghiên cứu đặc thù có thể áp dụng trong lĩnh vực nghiên cứu văn học nước ngoài;

+ Nghiên cứu so sánh các nền văn học của các quốc gia, dân tộc trên thế giới với văn học Việt Nam dựa trên một (hay những) tiêu chí lý luận của quy luật vận động văn học;

+ Cung cấp nền tảng phương pháp luận và những phương pháp nghiên cứu vừa có tính chuyên sâu, vừa có tính đặc thù ở bậc cao nhằm rèn luyện nghiệp vụ nghiên cứu văn học nói chung, văn học nước ngoài nói riêng.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng những tri thức và phương pháp hiện đại để khảo sát, lý giải những hiện tượng, vấn đề trong các nền văn học nước ngoài khác nhau;

+ Rèn luyện khả năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và chủ động triển khai các đề tài nghiên cứu về hoặc có liên quan đến văn học nước ngoài.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+ Chương trình có mục tiêu đào tạo chuyên gia có thể công tác trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến văn học nước ngoài nói riêng, văn học nói chung, từ nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu chuyên ngành, giảng dạy văn học (tại các cấp học và hình thức đào tạo khác nhau); tham gia công tác tại các cơ quan báo chí, xuất bản và các cơ quan quản lý văn hóa.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với

ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có).

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQGHN tương đương trình độ bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành/chuyên ngành phù hợp 1: Văn học; Văn học nước ngoài.

- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian; Lý luận văn học; Văn học so sánh; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lịch sử phê bình văn học phương Tây	2
2	Tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ đổi mới	2
3	Tiểu thuyết cổ điển Nga -những vấn đề thi pháp thể loại	2
4	Mỹ học cổ điển Ấn Độ và ảnh hưởng đối với Việt Nam	2
Tổng		8

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 3 – 5 NCS/1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn về văn học nước ngoài, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác, bảo đảm liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn

tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

Người học có khả năng nghiên cứu chuyên sâu về các tác phẩm, tác giả, trào lưu hay trường phái từng tồn tại trong lịch sử văn học thế giới; chủ trì được việc khảo sát ít nhất một trong những vấn đề lý luận trong văn học sử của các nền văn học nổi bật trên thế giới; nghiên cứu so sánh giữa các nền văn học của các quốc gia, dân tộc, các khu vực trên thế giới; góp phần nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau; thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài.

- Công bố tối thiểu kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách

tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 1: Lý giải được những quy luật phổ biến của sự tồn tại, vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; xác định được thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 2: Hệ thống hóa được các kiến thức nền tảng trong nghiên cứu văn học theo các hệ vấn đề về bản sắc văn hóa và văn hóa Việt Nam trong lịch sử giao lưu, phát triển của văn học và hệ thống lý luận, phương pháp nghiên cứu văn học cơ bản để ứng dụng vào thực tiễn văn học và thực tiễn xã hội.

PLO 3: Xác định được các nội dung nghiên cứu thuộc chuyên ngành văn học nước ngoài như phân tích được các hiện tượng của văn học thế giới (bao gồm các tác giả, nhóm tác giả, khuynh hướng, trào lưu, trường phái, các vấn đề liên quan tới thế giới nghệ thuật của tác phẩm...) trong quá khứ cũng như trong hiện tại; khảo sát và lý giải được những hiện tượng, vấn đề trong các nền văn học nước ngoài khác nhau; so sánh được các nền văn học của các quốc gia, dân tộc trên thế giới với văn học Việt Nam theo các tiêu chí lý luận của quy luật vận động văn học.

3.3. Kiến thức học phân tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

PLO 4: Thẩm định và tranh luận được xung quanh các luận điểm, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của vấn đề nghiên cứu liên quan đến lý luận và thực tiễn văn học nước ngoài.

PLO 5: Thiết lập và biên soạn được các sản phẩm nghiên cứu thể hiện quan điểm cá nhân, đề xuất được các ý tưởng mới liên quan đến các vấn đề lý luận và thực tiễn văn học nước ngoài.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 6: Kỹ năng làm chủ các lý thuyết, các phương pháp ứng dụng trong nghiên cứu văn học nước ngoài.

PLO 7: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức văn học nước ngoài.

PLO 8: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học liên quan đến văn học

nước ngoài.

PLO 9: Kỹ năng đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

PLO 10: Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.

PLO 11: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế về văn học nước ngoài và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 12: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

PLO 13: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

PLO 14: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.

PLO 15: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

PLO 16: Phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Văn học nước ngoài, người tốt nghiệp có khả năng và trình độ nghiên cứu khoa học độc lập, có thể nghiên cứu ở các Viện, có thể trở thành giảng viên ở các trường Đại học/Cao đẳng, giáo viên các trường chuyên bậc phổ thông trung học, hoạt động trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản, khoa học xã hội và nhân văn.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đã đạt được, người tốt nghiệp có thể tự rèn luyện thêm về ngoại ngữ, chuyên môn để thực hiện độc lập các đề tài nghiên cứu lớn hơn, nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu tại các vị trí nghiên cứu sau tiến sĩ hoặc quản lý, dẫn dắt, thực hiện các dự án nghiên cứu khác về văn học nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	90 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	10 tín chỉ
+ Bắt buộc:	4 tín chỉ
+ Tự chọn:	6 tín chỉ/12 tín chỉ

- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **8** tín chỉ (*trong đó NCKH không tính số tín chỉ*)

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*trong đó NCKH không tính số tín chỉ*)

- Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

1.2 Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **124** tín chỉ, trong đó:

- Học phần bổ sung: **34** tín chỉ

+ Bắt buộc: 12 tín chỉ

+ Tự chọn: 22 tín chỉ/44 tín chỉ

- Các học phần tiến sĩ: **10** tín chỉ

+ Bắt buộc: 4 tín chỉ

+ Tự chọn: 6 tín chỉ/ 12 tín chỉ

- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **8** tín chỉ (*trong đó NCKH không tính số tín chỉ*)

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*trong đó NCKH không tính số tín chỉ*)

- Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		10				
I.1	Các học phần bắt buộc		4				
1	LIT8068	Phê bình văn học phương Tây hiện đại - lý thuyết và ứng dụng <i>Western Modern Literary Criticism - Theory and Practice</i>	4	60	0	140	
I.2	Các học phần tự chọn		6/12				
2	LIT8006	Motip Kyoto giáo trong văn học cổ điển Nga <i>Christian Motifs in Classical Russian Literature</i>	3	45	0	105	
3	LIT8067	Văn học phương Tây và văn học Trung Quốc đương đại: lịch sử, ảnh hưởng và đổi mới văn học <i>Western Literature and</i>	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Contemporary Chinese Literature: History, Influence, and Literary Innovation</i>					
4	LIT8024	Vai trò tôn giáo trong văn học Phương Đông <i>Religion's Role in Oriental Literature</i>	3	45	0	105	
5	LIT8008	Thơ Trung Quốc - Lịch sử và lý luận <i>Chinese Poem - History and Theory</i>	3	45	0	105	
II	Chuyên đề tiền sử, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
6	LIT8069	Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i>	2	5	0	95	
7	LIT8070	Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i>	2	5	0	95	
8	LIT8071	Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i>	2	5	0	95	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
9	LIT8036	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	5	0	95	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức. Tham gia trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn tối thiểu 02 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.						
IV	Luận án		72				
10	LIT9006	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		34				
I.1	Các học phần bắt buộc		12				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	LIT6069	Lịch sử phê bình văn học phương Tây <i>History of Western Literary Criticism</i>	2	30	0	70	
3	LIT6063	Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại và hậu hiện đại <i>Some Theoretical Issues of Modern and Postmodern Literature</i>	2	30	0	70	
4	LIT6127	Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hoá <i>Researching Folk Literature from Cultural Perspectives</i>	2	30	0	70	
5	LIT6064	Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học <i>Vietnam Identity through Literary Exchanges</i>	2	30	0	70	
I.2	Các học phần tự chọn		22/44				
6	LIT6007	Tiểu thuyết Trung Quốc thời kì đổi mới <i>Chinese Novels in the Reform Period</i>	2	30	0	70	
7	LIT6133	Văn học nữ Trung Quốc từ thế kỷ XX đến nay <i>Female Writers' Literature from 20th Century to the Present</i>	2	30	0	70	
8	LIT6094	Tiếp nhận văn học hiện đại và đương đại Trung Quốc ở Việt Nam <i>Reception of Modern and Contemporary Chinese Literature in Vietnam</i>	2	30	0	70	
9	LIT6095	Tiểu thuyết cổ điển Nga- những vấn đề thi pháp thể loại <i>Russian Classical Novel - A Study in the Poetics of Genre</i>	2	30	0	70	
10	LIT6134	Phê bình không gian trong nghiên cứu văn học <i>Spatial Literary Studies</i>	2	30	0	70	
11	LIT6135	Văn học Nga với vấn đề phương Đông <i>Russian Literature on Eastern Question</i>	2	30	0	70	
12	LIT6096	Mỹ học Ấn Độ cổ điển và ảnh hưởng đối với văn học Việt Nam <i>Classical Indian Aesthetics and</i>	2	30	0	70	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Influence to Vietnamese Literature</i>					
13	LIT6136	Kịch phương Đông - một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại <i>Oriental Dramas - Theory and Practice</i>	2	30	0	70	
14	LIT6137	Tôn giáo trong thơ ca Nam Á trung đại <i>Religion in Medieval South Asian Poetry</i>	2	30	0	70	
15	LIT6098	Kịch phương Tây - Một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại <i>Western Drama: Theory and Reality of Genre</i>	2	30	0	70	
16	LIT6138	Khuynh hướng hiện sinh và phi lý trong văn học phương Tây <i>The Movement of Existential and Absurd Literature in the West</i>	2	30	0	70	
17	LIT6139	Tiếp nhận văn học Pháp ở Việt Nam <i>Reception of French Literature in Vietnam</i>	2	30	0	70	
18	LIT6140	Lý luận phê bình văn học cổ Trung Quốc <i>Premodern Chinesse Literary Theories</i>	2	30	0	70	
19	LIT6141	Bản địa hoá văn học cổ điển Trung Quốc ở Việt Nam <i>Localization of Clasical Chinese Literature in Vietnam</i>	2	30	0	70	
20	LIT6142	Văn học Mỹ và vấn đề chủng tộc <i>American Literature and Race</i>	2	30	0	70	
21	LIT6143	Văn học di dân của các nhà văn Âu Mỹ gốc Á <i>Asian Western Writers' Diaspora Literature</i>	2	30	0	70	
22	LIT6001	Thời gian trong Truyện kể <i>Time in Narratives</i>	2	30	0	70	
23	LIT6060	Văn học Nga hải ngoại-sáng tạo và tiếp nhận <i>Russian Literature Abroad: Its Creation and Reception</i>	2	30	0	70	
24	LIT6061	So sánh văn luận Đông - Tây <i>Comparative Study of Western and Eastern Literary Criticism</i>	2	30	0	70	
25	LIT6130	Các vấn đề đương đại của văn học Việt Nam <i>Contemporary Issues in</i>	2	30	0	70	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Vietnamese Literature</i>					
26	LIT6150	Lý thuyết sinh thái học trong nghiên cứu văn học <i>Ecology and Literature</i>	2	30	0	70	
27	LIT6070	Lý luận văn học so sánh <i>Comparative Literary Theory</i>	2	30	0	70	
II	Các học phần tiến sĩ		10				
II.1	Các học phần bắt buộc		4				
28	LIT8068	Phê bình văn học phương Tây hiện đại - lý thuyết và ứng dụng <i>Western Modern Literary Criticism - Theory and Practice</i>	4	60	0	140	
II.2	Các học phần tự chọn		6/12				
29	LIT8006	Motip Kyto giáo trong văn học cổ điển Nga <i>Christian Motifs in Classical Russian Literature</i>	3	45	0	105	
30	LIT8067	Văn học phương Tây và văn học Trung Quốc đương đại: Lịch sử, ảnh hưởng và đổi mới văn học <i>Western Literature and Contemporary Chinese Literature: History, Influence, and Literary Innovation</i>	3	45	0	105	
31	LIT8024	Vai trò tôn giáo trong văn học Phương Đông <i>Religion's Role in Oriental Literature</i>	3	45	0	105	
32	LIT8008	Thơ Trung Quốc - Lịch sử và lý luận <i>Chinese poem - History and Theory</i>	3	45	0	105	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
33	LIT8069	Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i>	2	5	0	95	
34	LIT8070	Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i>	2	5	0	95	
35	LIT8071	Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i>	2	5	0	95	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
36	LIT8036	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	5	0	95	



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu.						
	IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức. Tham gia trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn tối thiểu 02 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.					
V		Luận án		72			
37	LIT9006	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			124				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá ✓